TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1431/2024/QĐST-HNGĐ	*X, ngày 06 tháng 11 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ các điều 397, 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1295/2024/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông H.Đ.V, sinh năm 1963.

Bà L.H.V, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: Số 275/75/83 đường T, Phường M, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông H.Đ.V và bà L.H.V là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 01 ngày 14/01/1991 của Ủy ban nhân dân Phường L, thị xã G, tỉnh Kiên Giang.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 05/10/2024 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 29/10/2024, ông H.Đ.V và bà L.H.V yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; về con chung: Có 02 con chung tên H.Đ.D, sinh ngày 27/11/1991 và H.T.S, sinh ngày 27/08/1999, các con đã trưởng thành; Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy ông H.Đ.V và bà L.H.V thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận ông H.Đ.V và bà L.H.V, việc trông

nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận ông H.Đ.V và bà L.H.V thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 01 ngày 14/01/1991 của Ủy ban nhân dân Phường L, thị xã G, tỉnh Kiên Giang hết hiệu lực).

Về con chung: Có 02 con chung tên H.Đ.D, sinh ngày 27/11/1991 và H.T.S, sinh ngày 27/08/1999, các con đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông H.Đ.V và bà L.H.V phải chịu tiền lệ phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0014707 ngày 21/10/2024 của chi cục Thi hành án dân sự quận X. Ông H.Đ.V và bà L.H.V đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q.X, TP.HCM;
- Ủy ban nhân dân Phường L, thị xã G, tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS Q.X;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Quỳnh Trang